

# QUAN ĐIỂM CỦA V.I.LÊNIN VỀ QUYỀN DÂN TỘC BÌNH ĐẲNG, TỰ QUYẾT CHỈ THUỘC VỀ NHÂN DÂN - GIÁ TRỊ VÀ Ý NGHĨA THỜI ĐẠI

★ PGS, TS NGUYỄN THANH TUẤN

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

● **Tóm tắt:** Quan điểm của V.I.Lênin về quyền dân tộc bình đẳng và tự quyết chỉ thuộc về nhân dân được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta vận dụng, phát triển sáng tạo thành bảo đảm mối quan hệ biện chứng giữa quyền dân tộc - quốc gia với quyền dân tộc - tộc người và quyền con người, trên cơ sở bảo đảm quyền lợi của nhân dân. Việc bảo đảm mối quan hệ này đã, đang góp phần thúc đẩy bảo đảm quyền dân chủ, xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

● **Từ khóa:** Quyền dân tộc bình đẳng và tự quyết, quyền dân tộc - quốc gia, quyền dân tộc - tộc người, quyền con người.

## 1. Đặt vấn đề

Quan điểm của Lênin về quyền dân tộc bình đẳng và tự quyết chỉ thuộc về nhân dân có giá trị thúc đẩy cuộc đấu tranh vì sự bình đẳng và tiến bộ giữa các dân tộc trên thế giới. Đồng thời, đây cũng là đóng góp lớn của Người trong việc hoàn thiện Hiến chương Liên hợp quốc năm 1945. Hiện nay ở nước ta, việc vận dụng, phát triển sáng tạo quan điểm của V.I.Lênin về quyền dân tộc bình đẳng và tự quyết chỉ thuộc về nhân dân, đòi hỏi phải bảo đảm thực hiện mối quan hệ biện chứng giữa quyền dân tộc - quốc gia với quyền dân tộc - tộc người và quyền con người, trên cơ sở bảo đảm quyền lợi của nhân dân.

## 2. Nội dung

### 2.1. Giá trị của quan điểm “quyền dân tộc bình đẳng và tự quyết chỉ thuộc về nhân dân” của V.I.Lênin

Về quyền dân tộc bình đẳng, tự quyết

Theo V.I.Lênin (1870-1924), quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản đã làm nổi bật hai khía cạnh của vấn đề dân tộc là: a/ Trên cơ sở thức tỉnh của đời sống dân tộc đã phát triển các phong trào dân tộc, mà đỉnh cao là đấu tranh chống mọi ách áp bức dân tộc nhằm thiết lập Nhà nước dân tộc; b/ Việc đẩy mạnh quốc tế hóa tư bản cũng thúc đẩy xóa bỏ những hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc và quan hệ giữa các dân tộc. Trước tình hình trên, ông cho rằng, cuộc

đấu tranh của các dân tộc bị áp bức phải gắn liền với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh chung nhằm giải phóng khỏi ách áp bức tư bản. Bởi, “Không có sự cố gắng tự nguyện tiến tới sự liên minh và sự thống nhất của giai cấp vô sản, rồi sau nữa, của toàn thể quần chúng cần lao thuộc tất cả các nước và các dân tộc trên toàn thế giới, thì không thể chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản được”<sup>1</sup>. V.I.Lênin khẳng định: Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng về chủ quyền và được quyền tự quyết về chủ quyền; chỉ nhân dân các dân tộc mới có quyền tự quyết định vận mệnh của dân tộc mình; liên hợp công nhân tất cả các dân tộc lại. Ông cho rằng, “người nào không thừa nhận và không bảo vệ quyền bình đẳng giữa các dân tộc,... thì người đó không phải là người mác-xít, thậm chí cũng không phải là người dân chủ nữa”<sup>2</sup>.

Quyền dân tộc bình đẳng và tự quyết về chủ quyền là tôn trọng nguyên tắc bình đẳng, công bằng về cơ hội và không có sự can thiệp đối với quyền của mỗi dân tộc trong việc tự do lựa chọn chế độ chính trị và thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa trên cơ sở chủ quyền quốc gia. Năm 1918, Tổng thống Hoa Kỳ Woodrow Wilson (1856-1924) đưa ra nguyên tắc quyền dân tộc tự quyết về chủ quyền của các dân tộc châu Âu tư bản thì vào năm 1920, V.I.Lênin yêu cầu phải bảo đảm quyền dân tộc tự quyết về chủ quyền của các dân tộc phụ thuộc và thuộc địa. Do quyền dân tộc tự quyết về chủ quyền của dân tộc chỉ thuộc về nhân dân nên quyền này có mối quan hệ mật thiết với quyền của nhân dân hay quyền con người, trước tiên và chủ yếu là quyền của người dân lao động, quyền của người dân bị áp bức trong các dân tộc phụ thuộc và thuộc địa. Như vậy, quan điểm của Lênin có giá trị thúc đẩy mạnh mẽ sự bình đẳng và tiến bộ xã hội trong quan hệ giữa các dân tộc trên thế giới.

### *Về chế độ dân chủ*

Quan điểm về quyền bình đẳng, tự quyết của dân tộc chỉ thuộc về nhân dân liên quan trực tiếp đến chế độ dân chủ nhằm bảo đảm quyền lực của nhân dân. Lênin quan niệm: Chế độ dân chủ không chỉ là việc thi hành có tổ chức, có hệ thống sự cưỡng bức đối với người ta,... mà còn chính thức thừa nhận quyền bình đẳng giữa những công dân, thừa nhận cho mọi người được quyền ngang nhau trong việc xác định cơ cấu nhà nước và quản lý nhà nước<sup>3</sup>. Theo V.I.Lênin, sự khác nhau giữa dân chủ vô sản và dân chủ tư sản là ở chỗ: Dân chủ tư sản nhận thức được về mặt hình thức những quyền tự do (như dưới chế độ đại nghị tư sản) trong khi dân chủ vô sản bảo đảm thực tế (chứ không phải trên giấy tờ) cho những người lao động... được hưởng quyền lợi một cách thực tế trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội<sup>4</sup>.

Bởi lẽ, như V.I.Lênin nhấn mạnh, chính bản thân địa vị của vô sản, với tư cách là một giai cấp, buộc họ phải trở thành những người dân chủ triệt để... Giai cấp vô sản chẳng mất gì ngoài xiềng xích nô lệ của mình, nhờ vào chủ nghĩa dân chủ, nó sẽ có được cả thế giới”. “Phát triển dân chủ đến cùng, tìm ra những hình thức của phát triển ấy, đem thí nghiệm những hình thức ấy trong thực tiễn, v.v., - đó là một trong những nhiệm vụ cấu thành của cuộc đấu tranh vì cách mạng xã hội chủ nghĩa”<sup>5</sup>. Chính sách của giai cấp vô sản cách mạng phải là “lãnh đạo toàn dân, và đặc biệt là lãnh đạo nông dân để giành lấy tự do hoàn toàn... V.I.Lênin cho rằng, cách mạng dân chủ càng được thực hiện đầy đủ bao nhiêu thì cuộc đấu tranh mới càng diễn ra sớm, rộng lớn, rõ rệt và kiên quyết bấy nhiêu. “Là những đại biểu của giai cấp tiên phong - theo V.I.Lênin - ... không hoài nghi, không do dự, chúng ta phải đề ra trước toàn thể nhân dân

những nhiệm vụ của một cuộc cách mạng dân chủ hết sức rộng lớn, hết sức mạnh bạo và hết sức chủ động” nhằm bảo đảm quyền lợi một cách thực tế cho đại đa số thành viên xã hội trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội<sup>6</sup>.

V.I.Lênin khẳng định rằng, đấu tranh giành lấy dân chủ, tức là giành lấy các quyền chính trị - xã hội, là mục tiêu đầu tiên và trọng yếu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ông khẳng định: dân chủ vô sản không chỉ mở rộng rất nhiều chế độ dân chủ, mà còn lần đầu tiên biến thành chế độ dân chủ cho người nghèo, chế độ dân chủ cho nhân dân, không phải cho bọn nhà giàu. Dân chủ vô sản “là dân chủ cho tuyệt đại đa số nhân dân” nhằm hướng tới những mục tiêu “dân chủ tiên tiến”. “*Giai cấp vô sản phải tiến hành cách mạng dân chủ tới cùng, bằng cách kéo đồng đảo quần chúng nông dân theo mình...*”<sup>7</sup>.

Với thắng lợi Cách mạng Tháng Mười năm 1917, đã xuất hiện một nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới - Nước Cộng hòa Xô-viết Liên bang Nga. Ngay sau khi giành thắng lợi, ngày 02/11/1917, Chính phủ Xô-viết đã thông qua “Tuyên ngôn về quyền của các dân tộc nước Nga”. Theo tài liệu “Cuộc cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917” thì bản Tuyên ngôn này đã khẳng định bốn nguyên tắc căn bản của chính quyền Xô-viết đối với quyền lợi của các dân tộc, gồm: “a/ Bình đẳng và chủ quyền của các dân tộc; b/ quyền của các dân tộc nước Nga được tự quyết một cách tự do, kể cả việc tách ra và thành lập các quốc gia độc lập; c/ xóa bỏ tất cả các đặc quyền và hạn chế về dân tộc và tôn giáo - dân tộc; d/ Các dân tộc thiểu số và các nhóm dân chúng sống trên lãnh thổ nước Nga được phát triển tự do”. Đây là những nguyên tắc pháp lý quan trọng về vấn đề dân tộc. Dựa vào đó, Nhà nước Xô-viết đã tán thành

và thực hiện quyền dân tộc tự quyết đối với Ucraina, Phần Lan, Ba Lan,...<sup>8</sup>

Tiếp đó, tháng 01/1918, Đại hội Xô-viết toàn Liên bang Nga lần thứ III đã thông qua bản “Tuyên ngôn về quyền lợi nhân dân lao động bị bóc lột” do Lênin khởi thảo. Với mục tiêu là xóa bỏ mọi chế độ người bóc lột người, xóa bỏ giai cấp, bản Tuyên ngôn này được coi là Tuyên ngôn về quyền con người ở Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trong lịch sử nhân loại. Tuyên ngôn tuyên bố rõ quyền lợi kinh tế, xã hội, văn hóa cũng giống với quyền lợi công dân và quyền lợi chính trị, đều thuộc nội dung quyền con người. Sau đó, Hiến pháp đầu tiên của nước Nga Xô-viết (7/1918) được xây dựng trên cơ sở phát triển những tư tưởng chính của bản tuyên ngôn này.

V.I.Lênin cho rằng, trong cuốn *Tư bản luận*, C.Mác đã chứng minh mạnh mẽ để nảy mầm tư tưởng tự do và bình đẳng chính là sản xuất hàng hóa. Về bản chất, quyền con người phản ánh các quan hệ xã hội nhất định, bởi “bản chất của con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó bản chất của con người là tổng hòa của những mối quan hệ xã hội”<sup>9</sup>. Đây là cơ sở quan trọng để xem xét, đánh giá bản chất của quyền con người. Do vậy, với tư cách là quyền lợi của con người, quyền con người nhất định là cái cụ thể; sự ra đời, phát triển và thực hiện quyền con người phải dựa vào điều kiện kinh tế, xã hội nhất định, cơ bản là trong nền sản xuất hàng hóa.

Vì vậy, từ khi thực hiện “Chính sách kinh tế mới”- NEP (năm 1921), thông qua sự phát triển các thành phần kinh tế theo cơ chế thị trường, các quyền dân sự, chính trị được bảo đảm trên thực tế ở nước Nga Xô-viết, như: quyền sống trong hòa bình, quyền bầu cử, ứng cử và tham gia quản lý nhà nước và xã hội (quyền kiểm kê,

kiểm soát), quyền bãi miễn của cử tri đối với người trúng cử, quyền tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, tự do báo chí, quyền phụ nữ, quyền trẻ em,... Đồng thời, nước Nga Xô-viết cũng bảo đảm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, như: quyền sở hữu đối với tư liệu sản xuất trên cơ sở “xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản”, quyền lao động, quyền trao đổi hàng hóa, quyền thừa kế, quyền được giáo dục, quyền hưởng thụ văn hóa,... trên cơ sở thống nhất giữa quyền và nghĩa vụ trong một Nhà nước tôn trọng và được vận hành theo pháp luật. Ý nghĩa của quyền dân chủ đối với chủ nghĩa xã hội, theo V.I.Lênin là: đấu tranh cho dân chủ để chuẩn bị cho chủ nghĩa xã hội; bảo đảm các quyền dân chủ (chính trị, dân sự) gắn với bảo đảm các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa thể hiện tính thực chất, toàn diện của bảo đảm quyền con người dưới chế độ chủ nghĩa xã hội.

## 2.2. Ý nghĩa thời đại

*Thứ nhất, quan điểm của Lênin góp phần thúc đẩy hoàn thiện Hiến chương Liên hợp quốc.*

Quan điểm của Lênin về quyền dân tộc bình đẳng và tự quyết về chủ quyền của dân tộc chỉ thuộc về nhân dân đã góp phần thúc đẩy Hiến chương Liên hợp quốc năm 1945 được hoàn thiện. Điều 55 của Hiến chương nhắm đến việc “tạo những điều kiện ổn định và những điều kiện đem lại hạnh phúc cần thiết để duy trì những quan hệ hoà bình và hữu nghị giữa các dân tộc, dựa trên sự tôn trọng nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền và quyền tự quyết của các

dân tộc”<sup>10</sup>. Quan hệ bình đẳng giữa các quốc gia độc lập, có chủ quyền được xác định trong Hiến chương LHQ dựa trên một nguyên tắc cơ bản là người dân thuộc các dân tộc đa số và thiểu số sinh sống trong quốc gia đều có quyền bình đẳng và tự quyết về chủ quyền để cùng thiết lập một dân tộc - quốc gia với tên gọi chung cho đất nước mình.

Cũng chính từ nguyên tắc cơ bản này, nên cả hai công ước quốc tế về quyền dân sự, chính trị và quyền kinh tế, xã hội, văn hóa (năm 1966) đều khẳng định trong Lời mở đầu và Điều 1 của công ước về quyền dân tộc bình đẳng và tự quyết của các quốc gia dựa trên “nghĩa vụ thúc đẩy sự tôn trọng và tuân thủ chung các quyền và tự do của con người”. Và “trong bất kì hoàn cảnh nào cũng không được phép tước đi những phương tiện sinh tồn của một dân tộc”<sup>11</sup>. Nghĩa là, quyền dân tộc bình đẳng và tự quyết về chủ quyền chỉ thuộc về nhân dân thuộc dân tộc đó.

*Thứ hai, Hồ Chí Minh vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng của V.I.Lênin về quyền dân tộc bình đẳng, tự quyết chỉ thuộc về nhân dân và chế độ dân chủ cũng như tư tưởng quyền “tự nhiên” của mỗi cá nhân thành quyền độc lập, tự do, hạnh phúc của mỗi dân tộc.*

Hồ Chí Minh khi công bố bản *Tuyên ngôn độc lập* ngày 02/9/1945, đã vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng của V.I.Lênin về quyền dân tộc bình đẳng, tự quyết và ý tưởng quyền “tự nhiên” của mỗi cá nhân trong bản *Tuyên ngôn*

*độc lập* của Mỹ (1776), *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của cách mạng Pháp (1789) thành quyền độc lập, tự do, hạnh phúc của mọi dân tộc. Từ quyền cá nhân con người, Hồ Chí Minh đã nâng lên thành quyền của quốc gia, dân tộc: “Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc... Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới sinh ra đều bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”<sup>12</sup>. Như vậy, từ những quyền tự nhiên, cơ bản của cá nhân con người được Hồ Chí Minh mở rộng thành quyền dân tộc; từ quyền con người trừu tượng thành quyền của quốc gia, dân tộc được sống trong độc lập, tự do, hạnh phúc. Và dựa trên cơ sở pháp lý về quyền “tự nhiên”, Hồ Chí Minh đã khẳng định quyền đấu tranh “chống áp bức” của các dân tộc thuộc địa. Từ đó, tư tưởng độc lập, tự do, hạnh phúc cho dân tộc đã trở thành khát vọng cháy bỏng trong mỗi con người Việt Nam yêu nước trong cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng XHCN; và cả trong thời kỳ đổi mới phương thức xây dựng CNXH như hiện nay, nhằm phát triển Việt Nam thành quốc gia phát triển, văn minh, hiện đại, định hướng XHCN đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

*Thứ ba, bảo đảm mối quan hệ biện chứng giữa quyền dân tộc - quốc gia với quyền dân tộc - tộc người và quyền con người ở Việt Nam.*

Việc Hồ Chí Minh kết nối quyền dân tộc quốc gia với quyền con người đã tạo cơ sở lý luận - thực tiễn cho việc xem xét và giải quyết đúng đắn, hài hòa mối quan hệ giữa quyền dân tộc - quốc gia và dân tộc - tộc người cũng như quyền của các cộng đồng khác (giới, tôn

giáo, giai tầng xã hội,...) ở nước ta. Theo đó, các dân tộc đa số, thiểu số (và tất cả các cộng đồng khác) đều được tôn trọng, bảo vệ, thực hiện và thúc đẩy quyền bình đẳng, tương trợ, đoàn kết,... trong quá trình bảo đảm quyền dân tộc - quốc gia ở Việt Nam. Do ý thức được vị trí và tầm quan trọng đối với sự phát triển của đất nước, nên ngay từ những ngày đầu của cách mạng giải phóng dân tộc cũng như trong thời kỳ xây dựng đất nước trên con đường đi lên CNXH, Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn vận dụng sáng tạo những chỉ dẫn của V.I.Lênin về vấn đề dân tộc phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Từ việc gắn quyền dân tộc - quốc gia với quyền con người, nên Đảng, Nhà nước Việt Nam kiên định thực hiện việc gắn kết quyền dân tộc bình đẳng, tự quyết với quyền dân tộc - tộc người và quyền con người nói chung, trên cơ sở: (i) Đường lối, chủ trương, của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước luôn xuất phát từ nhu cầu ấm no, hạnh phúc của mọi người dân tại tất cả các dân tộc - tộc người thống nhất trong một dân tộc - quốc gia Việt Nam; (ii) Quyền dân tộc - tộc người nói riêng và dân tộc - quốc gia Việt Nam nói chung đều gắn kết và dựa trên việc bảo đảm nhân quyền thống nhất với quyền công dân; (iii) Xây dựng Nhà nước theo nguyên tắc bảo đảm “thần linh pháp quyền”<sup>13</sup> và “sửa sang thế đạo” để thực hiện nhân quyền<sup>14</sup> theo tư tưởng Hồ Chí Minh; (iv) Không quên, không bỏ lại ai ở phía sau, mà bảo đảm quyền của mọi chủ thể (nhi đồng, thiếu niên, thanh niên, phụ nữ, các bậc phụ lão, công nhân, nông dân, bộ đội, trí thức, doanh nhân...), đặc biệt trong điều kiện phân hóa giàu nghèo, phân hóa xã hội theo cơ chế thị trường như hiện nay; (v) Bảo đảm quyền dân tộc bình đẳng, tự quyết về chủ quyền của nhân dân Việt Nam đồng

thời tôn trọng quyền dân tộc bình đẳng, tự quyết về chủ quyền của các dân tộc khác.

Việc phát huy tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc đa số và thiểu số, để cùng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đồng thời giữ gìn và phát huy bản sắc tốt đẹp của mỗi dân tộc là đường lối, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ đổi mới và định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tư tưởng Hồ Chí Minh về “đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết” được Đảng và Nhà nước vận dụng và thực hiện trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội không chỉ ở trong nước, mà cả với người Việt Nam ở nước ngoài, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp các nguồn lực để xây dựng và bảo vệ đất nước.

Thực tế bảo đảm mối quan hệ biện chứng giữa quyền dân tộc - quốc gia với quyền dân tộc - tộc người và quyền con người ở nước ta cho thấy, quyền dân tộc - quốc gia chỉ được bảo đảm khi quyền của các dân tộc thiểu số, đồng thời quyền của các cộng đồng khác trong nhân dân (tôn giáo, giới, giai tầng xã hội) cũng được bảo đảm. Hơn nữa, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chỉ khi nhân dân được sống ấm no, hạnh phúc thì quyền độc lập, tự do của dân tộc - quốc gia mới có nghĩa lý thực tế<sup>15</sup>. Như vậy, trên cơ sở bảo đảm mối quan hệ biện chứng này nên ở nước ta không xảy ra khủng hoảng trong vấn đề dân tộc khi có khủng hoảng về kinh tế - xã hội trong thập niên 1980. Do đó đổi mới ở Việt Nam trước hết và chủ yếu là đổi mới kinh tế - xã hội. Trong khi đó tại Liên Xô, do không giải quyết được mối quan hệ biện chứng giữa quyền dân tộc quốc gia, dân tộc tộc người và quyền con người, nên khi phát sinh khủng hoảng kinh tế - xã hội thì đồng thời cũng phát tác khủng hoảng dân tộc, nhất là tại các nước cộng hòa Xô-viết.

Hậu quả là ban lãnh đạo Liên Xô không thể thực hiện được cải tổ toàn diện, từ kinh tế - xã hội đến vấn đề dân tộc, v.v.. Và cùng với sự can thiệp của phương Tây, Liên Xô đã sụp đổ như lịch sử cho thấy.

*Thứ tư, bảo đảm mối quan hệ biện chứng giữa quyền dân tộc - quốc gia, quyền dân tộc - tộc người và quyền con người với xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN.*

Hiện nay ở nước ta, việc thực hiện mối quan hệ biện chứng này đang góp phần thúc đẩy chuyển từ thể chế Nhà nước quản lý sang thể chế Nhà nước phục vụ. Đồng thời, tạo ra một môi trường chính trị - pháp lý để quản lý, điều tiết các chủ thể hoạt động trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế một cách khách quan theo đúng pháp luật và chuẩn mực đạo đức trong Đảng và trong xã hội. Qua đó, mỗi chủ thể hoạt động trong nền kinh tế - xã hội, có thể thực hiện một cách hợp lý những quyền, nghĩa vụ và chuẩn mực đạo đức của mình.

Trong thực tiễn hoạt động kinh tế - xã hội theo cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế nổi lên vấn đề: Các nhóm lợi ích khác nhau sẽ hưởng lợi khác nhau từ các thể chế kinh tế - xã hội. Do đó, họ có thể có ý đồ cài cắm, lèo lái lợi ích của mình theo các thể chế chính trị - xã hội phù hợp để bảo vệ quyền lực kinh tế của nhóm và qua đó, có quyền kiểm soát nguồn lực chính trị - pháp lý trong xã hội. Nếu nguồn lực này bị giới hạn trong một nhóm nhỏ, thì nhóm đó có thể thao túng các thể chế kinh tế, chính trị - pháp lý. Vì vậy, một nguyên tắc chính trị - đạo đức trong Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì nhân dân là: Đảng và Nhà nước phải tăng cường lãnh đạo thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật kết hợp với các chuẩn mực đạo

đức trong Đảng và trong xã hội, để bảo đảm kết hợp quyền, trách nhiệm và gương mẫu về đạo đức của mọi cán bộ, đảng viên trong việc giám sát các nguồn lực kinh tế, chính trị - pháp lý trong xã hội không bị thao túng bởi lợi ích nhóm nhằm phục vụ hiệu quả quyền lợi công của nhân dân.

Thời gian qua đã có sự kết hợp giữa Quốc hội với Chính phủ trong việc chỉnh sửa, hoàn thiện nhiều dự thảo văn bản pháp luật theo nguyên tắc thể chế Nhà nước phục vụ công. Chẳng hạn mỗi dự án luật trước khi trình Quốc hội phải được thẩm định kỹ lưỡng, khách quan, khoa học và phải được Chính phủ dành thời gian thỏa đáng thảo luận kỹ về các nội dung của từng dự án, đặc biệt là những vấn đề mang tính quan điểm và những vấn đề liên ngành còn có ý kiến khác nhau, nhằm không để lọt lợi ích cục bộ, không để sơ hở về chính sách dễ dẫn đến lạm dụng để tham nhũng, hối lộ. Hoạt động thẩm tra cũng được công khai với sự tham gia của các đại biểu quốc hội quan tâm đến dự án, sự theo dõi của báo chí, tổ chức xã hội, của nhân dân, để giám sát hoạt động thẩm tra nhằm bảo đảm hoạt động này diễn ra minh bạch, khách quan, không bị lèo lái bởi lợi ích nhóm.

*Thứ năm, bảo đảm mối quan hệ biện chứng giữa quyền dân tộc - quốc gia, quyền dân tộc - tộc người và quyền con người với xây dựng phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng cộng sản Việt Nam.*

Bảo đảm quyền dân tộc - quốc gia trên cơ sở bảo đảm quyền dân tộc - tộc người và quyền con người là nền tảng xã hội - pháp lý của phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng cơ bản bằng cơ chế dân chủ XHCN. Phương thức đó gắn liền với thể chế Nhà nước pháp quyền được tổ chức và hoạt động theo

Hiến pháp và pháp luật; thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật gắn với kỷ luật, kỷ cương và nghĩa vụ công dân theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Qua đó nhằm bảo đảm quyền lợi của nhân dân; và giải quyết công bằng mối quan hệ giữa quyền và lợi ích, quyền và nghĩa vụ, lợi ích và trách nhiệm.

Nhưng thực tế cho thấy, Đảng lãnh đạo, cầm quyền bằng cơ chế dân chủ XHCN là chưa đủ, mà tại một nước phương Đông luôn nêu cao tấm gương đạo đức như Hồ Chí Minh đã khẳng định<sup>16</sup>, thì Đảng còn phải biết lãnh đạo bằng tấm gương đạo đức, nhằm “gắn quyền với trách nhiệm, nghĩa vụ, đề cao đạo đức xã hội”<sup>17</sup>. Trong Đảng và trong xã hội, Đảng phải “là đạo đức là văn minh” thì mới hoàn thành được sứ mệnh lịch sử vẻ vang của mình, nhất là trong điều kiện “một bộ phận cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, ngại khó, ngại khổ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”<sup>18</sup> như Đại hội lần thứ XIII của Đảng (năm 2021) đã cảnh báo.

Thực tiễn cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng XHCN tại Việt Nam chứng thực quan điểm của V.I.Lênin về quyền bình đẳng, tự quyết của dân tộc chỉ thuộc về nhân dân và chế độ dân chủ cũng như chứng thực quan điểm của Hồ Chí Minh, rằng cách mạng lấy sức mạnh từ trong lòng dân. Trong thời kỳ đổi mới, việc tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân cơ bản tùy thuộc vào việc tổ chức, cá nhân trong Đảng và trong xã hội thực hiện các quyền và nghĩa vụ một cách khách quan trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật, không bị cài cắm, lèo lái bởi lợi ích nhóm, không quan liêu, tham nhũng, hối lộ. Để Đảng lãnh đạo, cầm quyền bằng cơ chế dân chủ XHCN kết hợp với tấm gương đạo đức, cần

thực hiện yêu cầu của Hồ Chí Minh: “Tin vào dân chúng. Đưa mọi vấn đề cho dân chúng thảo luận và tìm cách giải quyết. Chúng ta có khuyết điểm, thì thật thà thừa nhận trước mặt dân chúng. Nghị quyết gì mà dân chúng cho là không hợp thì đề họ đề nghị sửa chữa. Dựa vào ý kiến của dân chúng mà sửa chữa cán bộ và tổ chức của ta”<sup>19</sup>. Nhân dân cũng có vai trò quan trọng trong việc kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý những vi phạm dân chủ và đạo đức của tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đảng lãnh đạo, cầm quyền bằng cơ chế dân chủ XHCN kết hợp với tấm gương đạo đức cho thấy, niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước không chỉ căn cứ vào tính đúng đắn của đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật, mà trước tiên và trực tiếp gắn

liền với sự gương mẫu về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên trong mỗi tổ chức cơ sở Đảng, từ trung ương đến địa phương trong toàn Đảng, trước hết ở những người giữ chức trách đứng đầu.

### 3. Kết luận

Hồ Chí Minh vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng của V.I.Lênin về quyền dân tộc bình đẳng, tự quyết và tư tưởng quyền “tự nhiên” của mỗi cá nhân thành quyền độc lập, tự do, hạnh phúc của mỗi dân tộc và mỗi người dân. Từ đó thúc đẩy bảo đảm mối quan hệ biện chứng giữa quyền dân tộc - quốc gia với quyền dân tộc - tộc người và quyền con người gắn với bảo đảm quyền dân chủ, xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN và phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng ❖

<sup>1</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, tập 41, tr.206.

<sup>2</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, tập 24, tr.159-160.

<sup>3</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, tập 33, tr.123.

<sup>4,6,7</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, tập 11, tr.130-133, 130, 114.

<sup>5</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, tập 33, tr.97.

<sup>8</sup> *Cuộc cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917*, <http://dangcongsan.vn>, ngày 26/1/2018, truy cập 4/2024.

<sup>9</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tập 3, tr.11.

<sup>10</sup> Xem: *Hiến chương Liên hợp quốc*, trên <https://thuvienphapluat.vn>, truy cập 4/2024.

<sup>11</sup> Xem: *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị*, <https://thuvienphapluat.vn>, truy cập 4/2024.

<sup>12,15</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 4, tr.1, 64.

<sup>13,16</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 1, tr.473, 284.

<sup>14</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 2, tr.502.

<sup>17</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.169.

<sup>18</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr.92.

<sup>19</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập 5, tr.337-338.